NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2018/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, văn bản có quy định về chế độ báo cáo định kỳ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, văn bản có quy định về chế độ báo cáo định kỳ.

Điều 1. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ báo cáo định kỳ

1. Bãi bỏ báo cáo của người đại diện về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Ngân hàng Hợp tác xã quy định tại Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế quản lý vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (sau đây gọi tắt là Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN) như sau:

a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 11 Quy chế quản lý vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN;

b) Bãi bỏ Phụ lục đính kèm Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN.

2. Bãi bỏ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Thông tư

số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2016/TT-NHNN) như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2016/TT-NHNN;

b) Thay thế Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ báo cáo tình hình mua bán ngoại tệ tiền mặt của tổ chức tín dụng được phép với cá nhân tại Thông tư số 20/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mua, bán ngoại tệ tiền mặt của cá nhân với tổ chức tín dụng được phép (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2011/TT-NHNN) như sau:

a) Điều 10 Thông tư số 20/2011/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 10. Chế độ báo cáo**

Tổ chức tín dụng được phép thực hiện báo cáo tình hình mua, bán ngoại tệ tiền mặt với cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.";

b) Bãi bỏ Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-NHNN.

4. Bãi bỏ báo cáo định kỳ hàng năm về thực hiện các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng tại Thông tư số 47/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 47/2014/TT-NHNN) như sau:

Bãi bỏ khoản 1 Điều 20 Thông tư số 47/2014/TT-NHNN.

5. Bãi bỏ báo cáo định kỳ hàng năm về an toàn bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet tại Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2016/TT-NHNN) như sau:

Bãi bỏ khoản 3 Điều 20 Thông tư số 35/2016/TT-NHNN.

6. Sửa đổi, bổ sung báo cáo đánh giá tính hiệu quả, khả thi của các chính sách thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20

tháng 7 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và Quyết định số 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 06/CT-NHNN) như sau:

Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 7 (bảy) Điểm 3 Mục II Chỉ thị số 06/CT-NHNN như sau:

"Trước ngày 15 tháng 8 năm 2021 có báo cáo đánh giá tính hiệu quả, khả thi của các chính sách thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 trên cơ sở tổng kết việc thực hiện tại tổ chức tín dụng và đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm và các quy định của pháp luật có liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Pháp chế).".

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2018./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đào Minh Tú

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ
Tình hình đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

I. Thông tin tổ chức:

- Tên tổ chức:....

- Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....

- Văn bản chấp thuận đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Thủ Tướng Chính phủ số... ngày... tháng... năm.....

- Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài số…….. mở tại……. *(tên tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam)*.

- Vốn chủ sở hữu:

II. Tình hình đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong quý báo cáo:

- Số tiền đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- Số tiền thực tế đã đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong quý báo cáo:

- Số tiền đã chuyển về nước:

Trong đó:

+ Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác chuyển về Việt Nam:

+ Số vốn chuyển về Việt Nam:

- Tình hình thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

STT	Loại công cụ đầu tư (nêu chi tiết)	Nước/ lãnh thổ đầu tư	Tổng giá vốn		Tổng giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo/giá bán	
			Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Cổ phiếu					
2	Trái phiếu					
3	Công cụ khác *(ghi rõ loại công cụ)*					
…						

Ghi chú:

Cột (2): loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà nhà đầu tư đã đầu tư (bao gồm chứng khoán đã bán và đang nắm giữ) trong quý báo cáo.

Cột (3): Ghi rõ tên quốc gia nơi nhà đầu tư đầu tư gián tiếp.

Cột (4): Ghi tổng số lượng của loại chứng khoán đã mua trong quý báo cáo.

Cột (5): Ghi tổng giá trị vốn của loại chứng khoán đã mua trong quý báo cáo. Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Cột (6): Ghi tổng số lượng loại chứng khoán đang nắm giữ trong quý báo cáo.

Cột (7): Ghi tổng giá thị trường hoặc giá hợp lý tại thời điểm báo cáo đối với các công cụ đang nắm giữ hoặc giá bán đối với chứng khoán đã được bán trong quý. Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh giao dịch thực tế đối với chứng khoán đã bán trong quý hoặc tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ báo cáo đối với chứng khoán đang nắm giữ.

……. ngày…… tháng.... năm…….

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Tổ chức nhận ủy thác
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)